

Bản án số: 973/2024/HS-PT

Ngày: 08 - 10 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thanh

Ông Hoàng Minh Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2024, tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 775/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh N và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo Huỳnh Tấn V, bị cáo Hồ Tấn M và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần T11 (A) đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 336/2024/HS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 953/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2024.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hồ Tấn M; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 28/4/1975, tại Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12, trình độ chuyên môn: Đại học; Nghề nghiệp: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần T12 (SEAAC); Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Số A P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; con ông Hồ Văn T, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị Á (đã chết); Bị cáo có vợ và 03 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2013; Đảng phái: Đảng viên Đ đã bị khai trừ đảng; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ Tấn M: Luật sư Đặng Hoài V1 thuộc đoàn luật sư Thành phố H. (có mặt)

2. Huỳnh Tấn V; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày

05/12/1985, tại Thừa Thiên Huế; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12, trình độ chuyên môn: Đại học; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Cổ phần T13; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Căn A Chung cư E, đường H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; con ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1941 và bà Phan Thị H, sinh năm 1951; Bị cáo có vợ và 01 con sinh năm 2015; Đảng phái: Không; Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Tấn V: Luật sư Q Toàn thuộc đoàn luật sư Thành phố H. (có mặt)*

- Bị hại:

Trung tâm công nghệ sinh học Thành phố H; địa chỉ: Số B, Quốc lộ A, khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông Ngô Thành H1 là đại diện theo ủy quyền- theo giấy ủy quyền số 565/GUQ-CNSH ngày 09/7/2024. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1/ Công ty Cổ phần T11 (viết tắt: Công ty A), địa chỉ: Số F phố T, phường N, quận H, TP ..

Do ông Nguyễn Mạnh H2 là đại diện theo ủy quyền- theo giấy ủy quyền số 03/UQ-AIC ngày 03/7/2024 (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty cổ phần T11 (A): Bà Hoàng Thị D (có mặt), ông Hoàng Văn H3 (vắng mặt do bận phiên toà khác) và bà Từ Thị Bích N1 (có mặt) thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

- *Người kháng cáo: Bị cáo Huỳnh Tấn V, bị cáo Hồ Tấn M và Công ty cổ phần T11 (A)*

(Trong vụ án còn có các bị cáo khác như Nguyễn Thị Thanh N, Trần Mạnh H4, Trần Đăng T1, Dương Hoa X, Trần Thị Bình M1, Phan Tất T2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Việt T3, Nguyễn Trần L, Trần Vinh V2, Nguyễn M2, Đỗ Văn T4 và một số cá nhân, pháp nhân là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng do không kháng cáo, kháng nghị (nội dung kháng cáo không liên quan đến các đương sự này) nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm C (viết tắt: Trung tâm C), trụ sở tại: Quốc lộ A, phường T, Quận A, TP .; được thành lập theo Quyết định số 161/2004/QĐ-UB ngày 02/7/2004, của U, trực thuộc Sở N5 (viết tắt: NN&PTNT) Thành phố, có tư cách pháp nhân độc lập; có nhiệm vụ: Tham mưu giúp UBND Thành phố về định hướng phát triển, xây dựng chương trình, mục tiêu nghiên cứu và ứng dụng,

triển khai các quy trình, kỹ thuật hiện đại về công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý môi trường... Giám đốc: Dương Hoa X (từ năm 2004 đến năm 2020) và Nguyễn Đăng Q (từ năm 2021 đến 04/2023).

Công ty Cổ phần T11 (viết tắt: Công ty A), trụ sở tại: Số F phố T, phường N, quận H, TP .; được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103009889 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (viết tắt: KH&ĐT) TP . cấp ngày 04/11/2005; đến nay hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0101820129, thay đổi lần thứ 25 ngày 08/3/2021. Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Thanh N, Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc (từ năm 2005 đến tháng 9/2020); Nguyễn Hồng S, Tổng Giám đốc (từ tháng 9/2020 đến tháng 03/2021); Nguyễn Xuân N2, Tổng Giám đốc (từ tháng 3/2021 đến nay); Trần Mạnh H4 là Phó Tổng giám đốc phụ trách địa bàn các tỉnh phía Nam. Công ty có Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh do Trần Đăng T1 là Trưởng Văn phòng đại diện.

Công ty Cổ phần M5 (viết tắt: Công ty M5), trụ sở tại: Tầng I số A phố B, phường L, quận H, TP .; được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800287778 do Sở K2 cấp ngày 05/12/2007, hiện hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 18 cấp ngày 04/01/2022. Người đại diện theo pháp luật: Đỗ Văn T4, Tổng Giám đốc, từ tháng 10/2017 đến 11/2019; Nguyễn Thị T5, Tổng Giám đốc từ tháng 11/2019 đến nay. Công ty M5 là Công ty trong hệ sinh thái, do Nguyễn Thị Thanh N thành lập, giao nhân viên các phòng, ban thuộc Công ty A đứng tên đại diện pháp luật và bố trí người nhà đứng tên cổ đông Công ty để Công ty M5 được chỉ định trúng thầu hộ Công ty A.

Công ty Cổ phần C1 (viết tắt: Công ty C1), trụ sở tại: Số F N, phường P, quận H, TP .; được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106597682 do Sở K2 cấp ngày 10/7/2014, hiện hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 cấp ngày 04/7/2017. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hoàng Minh L1, Tổng Giám đốc từ năm 2014 đến nay;

Công ty Cổ phần C2 (viết tắt: Công ty C2), trụ sở tại: C Hồ V, Phường I, quận P, TP .; được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006135 do Sở KH&ĐT TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/02/2007, hiện hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 cấp ngày 11/10/2017. Người đại diện theo pháp luật: Phan Quốc V3, Tổng Giám đốc từ năm 2015 đến nay;

Công ty Cổ phần Y (viết tắt: Công ty Y), trụ sở tại: Tầng H Tòa nhà V, số D - 48 Bà T, phường H, quận H, TP .; được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300479760 do Sở KH&ĐT TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/6/2006, hiện hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 36, do Sở K2 cấp ngày 27/3/2023. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L2, Chủ tịch Hội đồng quản trị từ tháng 5/2014 đến 06/2022; ông Lê Xuân T6, Chủ tịch Hội đồng quản trị từ tháng 6/2022 đến nay;

Công ty Cổ phần X1 (viết tắt: Công ty X1), trụ sở tại: Số G T, phường T, quận H, TP .; được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101192851 do Sở K2 cấp ngày 19/12/2001; hiện hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 16 cấp ngày 22/3/2023. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc N3, Giám đốc từ năm 2018 đến nay.

Công ty TNHH K3, trụ sở tại: Số C Đ, Phường D, Quận C, TP .; được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300513041 do Sở K4 cấp ngày 13/8/2008; ngày 16/5/2023, đổi tên thành Công ty TNHH K5 (viết tắt: Công ty K5) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 13. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn V4, Tổng Giám đốc từ tháng 7/2015 đến nay;

Công ty Cổ phần T14 (viết tắt: Công ty T14); trụ sở tại: Số G T, Phường B, quận B, TP .; được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 03054331811 do Sở K4 cấp 03/01/2008; hiện hoạt động theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 cấp ngày 09/7/2020. Người đại diện theo pháp luật: Trần Vinh V2, Tổng Giám đốc từ 2008 đến 2016; ông Mai Quốc K làm Tổng Giám đốc từ năm 2016 đến nay;

Công ty Cổ phần T12 (viết tắt: Công ty T15), trụ sở tại: Số F đường C, Phường A, Quận A, TP .; được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311414349 do Sở K4 cấp ngày 14/12/2011; hiện hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 11 cấp ngày 18/9/2019. Người đại diện theo pháp luật: Hồ Tấn M, Tổng Giám đốc từ năm 2011 đến nay.

Công ty Cổ phần T13 (viết tắt: Công ty T13), trụ sở tại: C Khu dân cư T, đường L, phường T, Quận A, TP .; được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313908470 do Sở K4 cấp ngày 11/7/2016; hiện hoạt động theo đăng ký thay đổi lần thứ 2 cấp ngày 22/5/2018. Người đại diện theo pháp luật: Huỳnh Tấn V, Giám đốc từ năm 2016 đến nay.

Công ty TNHH T16 (viết tắt: Công ty T16), trụ sở tại: Số B Quốc lộ A, Phường B, quận B, TP .; được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304151811 do Sở K4 cấp ngày 20/12/2005; hiện hoạt động theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 cấp ngày 07/4/2023. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn V4, Giám đốc từ năm 2010 đến nay.

Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm CNSH, địa chỉ tại Quốc lộ A, phường T, quận A, TP ., được UBND Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng theo Thông báo số 233/UBND-CNN ngày 12/01/2006. Chủ đầu tư là Trung tâm CNSH, Cơ quan chủ quản là Sở NN&PTNT Thành phố. Ngày 09/7/2009, Văn phòng U có Thông báo 493/TB-VP về kết luận của Chủ tịch UBND Thành phố, chấp thuận cho phép Trung tâm CNSH được tách dự án khu nghiên cứu tại Quyết định 03/2008/QĐ-UBND ngày 10/01/2008 thành 02 dự án, gồm: Dự án xây dựng Khu Nghiên cứu, tổng mức đầu tư 252,289 tỷ đồng; Dự án mua sắm trang thiết bị 12 phòng thí nghiệm (viết tắt: PTN) dự kiến tổng mức đầu tư 313,334 tỷ đồng.

Ngày 16/8/2010, Văn phòng UBND Thành phố có Thông báo 483/TB-VP về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND Thành phố, chấp thuận cho phép Trung tâm CNSH: ⁽¹⁾ Đề xuất các nội dung thiết kế phù hợp theo yêu cầu của từng PTN chuyên ngành; ⁽²⁾ Thành lập Hội đồng khoa học để tư vấn mua sắm thiết bị PTN và thực hiện Dự án theo quy định; ⁽³⁾ giao Sở KH&ĐT Thành phố thẩm tra phê duyệt dự án Mua sắm thiết bị cho PTN.

Ngày 22/9/2010, Dương Hoa X, Giám đốc Trung tâm C ký Quyết định số 314/QĐ-CNSH, thành lập Hội đồng khoa học (viết tắt: HĐKH), gồm 9 thành viên, có nhiệm vụ: Lập Kế hoạch thực hiện, lập hồ sơ yêu cầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu, xem xét và thẩm định các hồ sơ liên quan đến dự án theo quy định hiện hành, trình Ban Giám đốc Trung tâm và cấp có thẩm quyền phê duyệt các hồ sơ liên quan đến dự án theo quy định. Ngày 04/11/2010, Dương Hoa X, Giám đốc Trung tâm C ký Quyết định số 374/QĐ-CNSH; ngày 18/11/2010, ký Quyết định số 397/2010/QĐ-CNSH bổ sung nhiệm vụ cho HĐKH thực hiện công tác lập dự án mua sắm thiết bị PTN.

Ngày 09/8/2011, HĐKH hoàn thành công tác lập dự án mua sắm thiết bị 12 PTN, tổng chi phí thiết bị 22.807.750 USD, tương đương 476,682 tỷ đồng.

Ngày 23/8/2011, Dương Hoa X, Giám đốc Trung tâm CNSH ký Tờ trình số 313/TTr-CNSH đề nghị Sở KH&ĐT Thành phố thẩm định và phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư 566.322.065.700 đồng, trong đó chi phí thiết bị 476.681.975.000 đồng.

Ngày 01/9/2011, Sở KH&ĐT Thành phố có Công văn số 6925/SKHĐT-KT, đề nghị Trung tâm CNSH căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 8 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20/10/2007 của UBND Thành phố, liên hệ với Sở T17 để thẩm định giá trước khi trình Sở KH&ĐT Thành phố thẩm định;

Thực hiện theo hướng dẫn của Sở KH&ĐT, Sở Tài chính và chấp thuận của UBND Thành phố, ngày 19/11/2012, Dương Hoa X, Giám đốc Trung tâm C và Phạm Văn V4, Tổng Giám đốc Công ty K5 ký Hợp đồng số 207/2012/HĐ-CNSH về việc thẩm định giá thiết bị 12 PTN. Ngày 19/12/2012, Công ty K5 có Chứng thư thẩm định giá số 11.12.798/AISC-XD xác định giá 9.099 thiết bị 12 PTN là 472.276.040.289 đồng. Căn cứ kết quả thẩm định giá và đề nghị của Trung tâm C, ngày 22/7/2013, Sở T17 có Công văn số 6768/STC-ĐTSC, xác định giá trang thiết bị 12 PTN 425.048.436.260 đồng.

Ngày 30/7/2013, Dương Hoa X, Giám đốc Trung tâm C ký Công văn số 209/CNSH gửi Sở KH&ĐT Thành phố đề nghị xem xét thẩm định phê duyệt dự án 12 PTN, tổng mức đầu tư 501.737.428.005 đồng, trong đó chi phí thiết bị 425.048.436.260 đồng.

Ngày 21/4/2014, UBND Thành phố có Công văn số 1647/UBND-CNN, chấp thuận chủ trương cho Trung tâm CNSH lập hồ sơ trình duyệt và giao Sở KH&ĐT Thành phố tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và phê duyệt theo quy định. Ngày 06/5/2014, Dương Hoa X, Giám đốc Trung tâm CNSH ký Tờ trình số

132/TTr-CNSH đề nghị Sở KH&ĐT Thành phố về thẩm định và phê duyệt dự án.

Ngày 14/7/2014, ông Nguyễn Hoàng M3, Phó Giám đốc Sở KH&ĐT Thành phố ký Quyết định số 0167/QĐ-SKHĐT, phê duyệt dự án đầu tư mua sắm thiết bị 12 PTN, gồm 9.099 chủng loại thiết bị, tổng mức đầu tư 488.651.438.523 đồng (trong đó chi phí thiết bị 425.048.436.260 đồng), thời gian thực hiện từ năm 2014 - 2018. Sau khi phê duyệt dự án, theo đề nghị của Trung tâm C, ngày 15/5/2015, ông Nguyễn Hoàng M3, Phó Giám đốc Sở KH&ĐT Thành phố ký Quyết định số 117/QĐ-SKHĐT, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị dự án theo 03 giai đoạn, thực hiện từ năm 2015 đến năm 2017. Giai đoạn 1 năm 2015 thực hiện 4 gói thầu trị giá 149.679.698.436 đồng; Giai đoạn 2 năm 2016 thực hiện 03 gói thầu, trị giá: 199.973.641.509 đồng; Giai đoạn 3 năm 2017 thực hiện 02 gói thầu, trị giá 75.394.769.996 đồng. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi; phương thức đấu thầu: Một giai đoạn 2 túi hồ sơ; loại hợp đồng: Trọn gói. Riêng gói thầu số 1 giai đoạn 1 (mua sắm thiết bị chiếu xạ): Đấu thầu hạn chế.

Ngày 10/7/2015, Dương Hoa X, Giám đốc Trung tâm C ký Quyết định số 147/QĐ-CNSH, thành lập Hội đồng khoa học (HĐKH) và các Tổ Chuyên gia thực hiện dự án. HĐKH gồm: ⁽¹⁾ Nguyễn Đăng Q, Trưởng phòng Công nghệ Sinh học Y dược, Chủ tịch Hội đồng; ⁽²⁾ Nguyễn Quốc B, nguyên Phó Giám đốc; ⁽³⁾ Phạm Nguyễn Đức H5, Trưởng phòng Công nghệ Vi sinh; ⁽⁴⁾ Nguyễn Xuân D1, Trưởng phòng Công nghệ Sinh học Thực vật; ⁽⁵⁾ Phạm Thị Kim T7, Nhân viên Phòng C3 và ⁽⁶⁾ Võ Minh P1, Chuyên viên Phòng Hành chính tổng hợp (Thư ký hội đồng); có nhiệm vụ: Lập kế hoạch thực hiện, đề xuất chủ đầu tư lựa chọn tính năng kỹ thuật của thiết bị, chọn lựa các thiết bị chuyên ngành; Thẩm định tính năng kỹ thuật của thiết bị trong hồ sơ mời thầu (HSMT) và báo cáo kết quả đấu thầu do đơn vị tư vấn lập. Tổ chuyên gia giúp việc pháp lý gồm: ⁽¹⁾ Nguyễn Viết T3, Trưởng ban, Tổ trưởng; ⁽²⁾ Nguyễn Lâm Bình P2 và ⁽³⁾ Nguyễn Trần L, Chuyên viên Ban Q1 (viết tắt: Ban QLĐTXDCT); có nhiệm vụ: Thẩm định Hồ sơ mời thầu, báo cáo kết quả đấu thầu do đơn vị tư vấn đấu thầu lập, trình Ban Giám đốc và cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Sau khi thực hiện xong các gói thầu giai đoạn 1, ngày 22/11/2017, Dương Hoa X ký Tờ trình số 481/TTr-CNSH đề nghị Sở KH&ĐT phê duyệt điều chỉnh danh mục thiết bị và thời gian thực hiện giai đoạn 2 và 3 của Dự án, theo đó điều chỉnh số lượng thiết bị từ 215 loại, số lượng 9.099 thiết bị lên thành 267 loại, số lượng 23.703 thiết bị; tổng giá trị thiết bị toàn Dự án điều chỉnh từ 425.048.109.941 đồng lên thành 468.812.020.400 đồng (*tăng 43.763.584.140 đồng so với phê duyệt Dự án*), trong đó giá trị thiết bị giai đoạn 2, 3 sau khi điều chỉnh là 299.720.524.400 đồng (*tăng 24.352.112.895 đồng so với phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu*).

Ngày 22/11/2017, Nguyễn Đăng Q, Phó Giám đốc Trung tâm C ký Tờ trình số 482/TTr-CNSH đề nghị Sở NN&PTNT chấp thuận chủ trương điều chỉnh danh mục thiết bị Dự án từ 9.099 thiết bị lên thành 23.703 thiết bị. Ngày

01/12/2017, ông Nguyễn Phước T8, Giám đốc Sở NN&PTNT ký Công văn số 3131/SNN-QLĐT thống nhất chủ trương điều chỉnh danh mục thiết bị Dự án theo đề nghị của Trung tâm CNSH.

Để có cơ sở điều chỉnh giá gói thầu giai đoạn 2 và 3, Trung tâm CNSH chỉ định Công ty Cổ phần T12 (SEAAC) thẩm định giá các thiết bị giai đoạn 2, 3; ngày 08/12/2017, Hồ Tấn M, Tổng Giám đốc Công ty T15 ký Chứng thư thẩm định giá số Vc 17/12/647B/ĐS-SEAAC, xác định giá các thiết bị và giá gói thầu đúng như Tờ trình số 481/TTr-CNSH của Trung tâm CNSH. Ngày 13/12/2017, Trần Thị Bình M1, Phó Giám đốc Sở KH&ĐT ký Quyết định số 409/QĐ-SKHĐT phê duyệt điều chỉnh Dự án, điều chỉnh danh mục từ 9.099 lên thành 23.703 thiết bị, điều chỉnh chi phí thiết bị toàn Dự án là 468.812.020.400 đồng (*tăng 43.763.584.140 đồng so với phê duyệt ban đầu*), tổng mức đầu tư của Dự án không thay đổi.

Ngày 14/12/2017, Dương Hoa X ký Tờ trình số 499/TTr-CNSH và Tờ trình số 501/TTr-CNSH đề nghị Sở KH&ĐT thẩm định phê duyệt dự toán Dự án, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu thầu. Ngày 15/01/2018, Trần Thị Bình M1 ký Quyết định số 21/QĐ-SKHĐT phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trong đó: Giai đoạn 2 (năm 2018) thực hiện 03 gói thầu mua sắm thiết bị, trị giá 159.524.348.500 đồng; Giai đoạn 3 (năm 2018-2019) thực hiện 03 gói thầu mua sắm thiết bị, trị giá 140.196.175.900 đồng.

Ngày 05/3/2018, Dương Hoa X ký Tờ trình số 115/TTr-CNSH đề nghị Sở KH&ĐT phê duyệt dự toán Dự án (giai đoạn 2 và 3), trong đó bổ sung thêm gói thầu mua sắm thiết bị vi sinh - tế bào thuộc giai đoạn 3 là 48.889.542.900 đồng. Ngày 09/3/2018, Trần Thị Bình M1 ký Quyết định số 48/QĐ-SKHĐT, phê duyệt dự toán giai đoạn 2 và 3 theo đúng như đề nghị của Trung tâm C. Ngày 09/3/2018, Dương Hoa X ký Quyết định số 16/QĐ-CNSH, phê duyệt dự toán 03 gói thầu giai đoạn 2 theo dự toán được Sở KH&ĐT phê duyệt là 159.524.348.500 đồng.

Triển khai các gói thầu giai đoạn 3, Trung tâm CNSH tiếp tục chỉ định Công ty T15 thẩm định giá thiết bị của 03 gói thầu giai đoạn 3, ngày 18/9/2018, Hồ Tấn M, Tổng giám đốc Công ty T15 ký Chứng thư thẩm định giá số Vc18/09/421A/ĐS-SEAAC xác định giá gói thầu số 1: 48.834.540.000 đồng, gói thầu số 2: 45.312.150.000 đồng, gói thầu số 3: 45.949.479.000 đồng. Ngày 24/9/2018, Huỳnh Tấn V, Giám đốc Công ty Cổ phần T13 (Công ty T13) ký Báo cáo số 168/BCTT-NC về việc thẩm tra dự toán 03 gói thầu giai đoạn 3, kiến nghị phê duyệt dự toán theo Chứng thư số Vc 18/09/421A/ĐS-SEAAC của Công ty T15. Ngày 27/9/2018, Dương Hoa X ký Quyết định số 305/QĐ-CNSH phê duyệt dự toán 3 gói thầu giai đoạn 3 theo kết quả thẩm định giá của Công ty T15 và kết quả thẩm tra của Công ty T13.

Như vậy, Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị 12 PTN chuyên ngành công nghệ sinh học thuộc Trung tâm C được UBND Thành phố chấp nhận chủ trương đầu tư xây dựng từ năm 2006. Năm 2014, Dự án được Sở KH&ĐT phê duyệt, với tổng vốn đầu tư 488.651.438.523 đồng, trong đó chi phí mua 9.099 thiết bị

trị giá 425.048.436.260 đồng. Năm 2017, Dự án được phê duyệt điều chỉnh thành 23.703 thiết bị, trị giá 468.812.020.400 đồng, tăng 43.763.584.140 đồng (*nguồn tăng thêm lấy từ chi phí dự phòng và chi phí khác nhưng không thay đổi tổng mức đầu tư*). Quá trình thực hiện Dự án, Sở KH&ĐT ban hành 01 kế hoạch lựa chọn nhà thầu, 01 kế hoạch điều chỉnh lựa chọn nhà thầu, theo đó Dự án được phân làm 03 giai đoạn với 10 gói thầu mua sắm thiết bị, trong đó: Giai đoạn 1 (năm 2015) thực hiện 04 gói thầu, giai đoạn 2 (năm 2018) thực hiện 03 gói thầu, giai đoạn 3 (năm 2018-2019) thực hiện 03 gói thầu.

Kết quả đấu thầu: Công ty A và các công ty được Công ty A chỉ định đứng tên thay cho Công ty A trúng 06 gói thầu, tổng trị giá 305.427.496.000 đồng; Công ty Cổ phần C1 trúng 02 gói thầu trị giá 102.252.546.000 đồng. Còn lại các công ty khác, gồm: Công ty TNHH B1 trúng 01 gói thầu trị giá 51,86 tỷ đồng đã thanh toán 51.791.618.150 đồng; Công ty TNHH MTV Ú trúng 01 gói thầu trị giá 8,7 tỷ đồng. Đến nay 10 gói thầu chưa được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Ngày 10/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C4 có Quyết định số 74/QĐ-CSKT-P4, T18 Bộ C4 giám định chữ ký của Trần Mạnh H4, Đỗ Văn T4 trên các tài liệu trong hồ sơ 05 gói thầu dự án 12 phòng thí nghiệm.

Ngày 25/11/2023, V6 Bộ C4 có Kết luận giám định số 8343/KL-KTHS, kết luận: Chữ ký ghi tên Trần Mạnh H4, Đỗ Văn T4 trên các mẫu gửi giám định (tài liệu trong hồ sơ dự thầu) và trên các mẫu so sánh do cùng 01 người ký ra.

Ngày 08/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C4 ra Yêu cầu định giá tài sản số 167/YC-CSKT-P9; ngày 11/9/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C4 có Công văn số 2319/CV-CSKT-P4 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TP . định giá thiết bị 10 gói thầu dự án 12 phòng thí nghiệm.

Ngày 29/12/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TP . có Kết luận định giá số 9274/KL-HĐĐGTS, kết luận:

ĐVT: Đồng

STT	Tên gói thầu	Giá trị thanh toán (A)	Giá trị định giá (B)	Thiệt hại (C=A-B)
1	Gói thầu số 1 - giai đoạn 1: Mua sắm thiết bị chiếu xạ	8.700.000.000	6.896.878.521	1.803.121.479
2	Gói thầu số 2 - giai đoạn 1: Mua sắm thiết bị sinh học phân tử	48.495.081.444	31.023.479.479	17.471.601.965
3	Gói thầu số 3 - giai đoạn 1: Mua sắm thiết bị vi sinh tế bào	58.357.683.667	36.518.187.276	21.839.496.391
4	Gói thầu số 4 - giai đoạn 1: Mua sắm thiết bị phân tích và hỗ trợ	53.401.471.481	31.140.802.496	22.260.668.985

5	Gói thầu số 1 - giai đoạn 2: Mua sắm thiết bị sinh học phân tử	50.988.000.000	42.993.620.869	7.994.379.131
6	Gói thầu số 2 - giai đoạn 2: Mua sắm thiết bị vi sinh-tế bào	51.791.618.150	51.860.000.000	0
7	Gói thầu số 3 - giai đoạn 2: Mua sắm thiết bị phân tích hỗ trợ	56.399.860.000	56.010.582.020	389.277.980
8	Gói thầu số 1 - giai đoạn 3: Mua sắm thiết bị vi sinh tế bào	48.782.000.000	45.004.222.321	3.777.777.679
9	Gói thầu số 2 - giai đoạn 3: Mua sắm thiết bị sinh học phân tử và tế bào	45.266.000.000	35.418.855.655	9.847.144.345
10	Gói thầu số 3 - giai đoạn 3: Mua sắm thiết bị phân tích hỗ trợ	45.852.686.000	34.806.975.846	11.045.710.154
	TỔNG	468.034.400.742	371.673.604.483	96.429.178.109
	Tổng thiệt hại 8 gói thầu (trừ gói thầu số 1 giai đoạn 1 và gói thầu số 2 giai đoạn 2)			94.626.056.630

Kết quả điều tra xác định: Sau khi có quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Gói số 1 giai đoạn 1 được tổ chức thực hiện năm 2015, hình thức đấu thầu hạn chế, giá gói thầu 7.513.200.000 đồng. Do thời gian thực hiện dự án kéo dài vì phải hủy thầu 02 lần, Nguyễn Đăng Q đã liên hệ và được Nghiêm Xuân K1, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần T19 báo giá thiết bị chiếu xạ là 8,734 tỷ đồng (*bao gồm cả chi phí đào tạo, vận hành và chi phí dự phòng do thiết bị đặc thù và do sự biến động của tỷ giá*). Trung tâm CNSH đã phê duyệt lại dự toán, tổ chức đấu thầu nhưng không có nhà thầu nào tham gia. Sau khi chuyển sang hình thức đấu thầu rộng rãi và tổ chức đấu thầu thêm 02 lần cũng không có nhà thầu đủ năng lực trúng thầu, phải hủy thầu. Đến lần đấu thầu thứ 03, tháng 10/2017, Liên danh Công ty TNHH MTV Ú - Công ty A là đơn vị trúng thầu với giá 8,7 tỷ đồng. Đây là gói thầu mua sắm thiết bị đặc thù (Thiết bị chiếu xạ), căn cứ kết quả điều tra chưa đủ cơ sở xác định có sự trao đổi, thỏa thuận thông đồng giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thẩm định giá để nâng giá gói thầu này gây thiệt hại cho Nhà nước. Do đó, tổng số tiền thiệt trong vụ án này được xác định tại 08 gói thầu là 94.626.056.630 đồng.

Các bị cáo đã thông đồng can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu, để tạo điều kiện cho Công ty A và các Công ty do Công ty A chỉ định, cho tham gia đấu thầu, thiết lập các Công ty “Quân xanh”, “Q đỏ” để Công ty A trúng 08 gói thầu, gây thiệt hại cho Nhà nước 94.626.056.630 đồng. Hành vi sai phạm của các bị cáo có kháng cáo được tóm tắt cụ thể như sau:

- Đối với bị cáo Hồ Tấn M, Tổng Giám đốc Công ty T15 (Công ty T15)

Khoảng giữa năm 2017, Lê Thị Kim S1, nhân viên Công ty A và Nguyễn Trần L, chuyên viên Trung tâm CNSH tới trụ sở Công ty T15 đề nghị Hồ Tấn M thực hiện thẩm định giá các gói thầu thiết bị của Dự án 12 PTN của Trung tâm

CNSH. Sau khi trao đổi, M, L, S1 thống nhất S1 sẽ hộ trợ M lấy báo giá lập hồ sơ thẩm định. Ngày 02/11/2017, S1 gửi qua email cho Mạnh file thiết bị thẩm định giá. Ngày 06/11/2017, M ký thẩm định giá với Trung tâm CNSH. Sau khi ký hợp đồng, S1 đã chuyển cho M báo giá của 06 công ty (Công ty TNHH T20; Công ty TNHH T21; Công ty TNHH B1; Công ty TNHH C5; Công ty CP T22; Công ty TNHH T23) để ban hành Chứng thư thẩm định giá. M giao cho Vũ Anh T9 và các nhân viên căn cứ các báo giá này để lập hồ sơ thẩm định, giao Nguyễn Minh T10, Thẩm định viên kiểm tra, rà soát, sau đó M ký ban hành Chứng thư thẩm định giá theo đúng các báo giá Lê Thị Kim S1 cung cấp.

Năm 2018, Lê Thị Kim S1 và Nguyễn Trần L đề nghị Hồ Tấn M tiếp tục thẩm định giá cho 03 gói thầu giai đoạn 3 của Dự án. M đã sử dụng các báo giá của 06 công ty do S1 cung cấp gồm: Công ty TNHH T20; Công ty TNHH T21; Công ty TNHH B2; Công ty cổ phần T24 (ETC); Công ty CP T22; Công ty CP K6 để lập và ký ban hành Chứng thư thẩm định giá thiết bị 03 gói thầu 1, 2, 3 của Dự án.

Quá trình điều tra, Hồ Tấn M khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của Nguyễn Trần L, Lê Thị Kim S1 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Hồ Tấn M đã thông đồng, sử dụng các báo giá do Công ty A cung cấp, phát hành Chứng thư thẩm định giá các gói thầu giai đoạn 2 và 3 không đúng tiêu chuẩn Thẩm định giá, vi phạm Điều 10, Điều 30, Điều 42 Luật Giá, gây thiệt hại cho nhà nước 33.054.289.289 đồng.

- Đối với bị cáo Huỳnh Tấn V, Giám đốc Công ty T13 (Công ty T13)

Năm 2017, Nguyễn Trần L liên hệ nhờ Huỳnh Tấn V thực hiện gói thầu tư vấn thẩm tra dự toán và tư vấn thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thiết bị giai đoạn 2, 3 của Dự án. Khi trao đổi với V, L có nói cho V biết việc thực hiện chỉ là để bổ sung hồ sơ cho đầy đủ, L sẽ lập các báo cáo để Vĩnh ký. V đồng ý để Trung tâm CNSH chỉ định thầu. Quá trình thực hiện, do chưa đủ năng lực, V đã tìm, lấy được Bản sao y chứng chỉ kỹ sư định giá của ông Ngô Nhật S2 để lập hồ sơ năng lực, chuyển cho Nguyễn Trần L làm thủ tục ký hợp đồng.

Tại giai đoạn 2 của Dự án, V ký hợp thức các Báo cáo thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu do Nguyễn Trần L lập sẵn. Vĩnh mượn chứng chỉ đầu thầu của ông Trần V5 và bà Phạm Thị Kim M4 để lập Tổ chuyên gia, sau đó ký thay những người này trên Báo cáo thẩm định. Đến giai đoạn 3 Dự án, V đưa tên một số người vào Báo cáo thẩm tra dự toán nhưng chỉ có Vĩnh ký; đối với báo cáo thẩm định HSMT và kết quả đánh giá HSDT, V vẫn ký thay Trần V5 và Phạm Thị Kim M4.

Tại Cơ quan điều tra, V thừa nhận đã không thực hiện việc thẩm tra dự toán theo đúng quy định của pháp luật, không thực hiện đúng nhiệm vụ thẩm định HSMT mà chỉ ký theo đề nghị của Nguyễn Trần L để hợp thức hồ sơ, thủ tục đấu thầu cho Trung tâm CNSH.

Lời khai của Huỳnh Tấn V phù hợp với lời khai của Nguyễn Trần L, Dương Hoa X và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định: Huỳnh Tấn V thông đồng, ký hợp thức các thủ tục cho Chủ đầu tư, tạo điều kiện cho Công ty A và Nhà thầu tham gia đấu thầu và trúng thầu, gây thiệt hại cho nhà nước tại 06 gói thầu giai đoạn 2, 3 của Dự án là 33.054.289.289 đồng.

Ngoài ra còn có các hành vi của các bị cáo, cá nhân khác nhưng do không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo và đã được ghi nhận trong bản án sơ thẩm, nên Tòa phúc thẩm không tóm tắt phần này.

Theo đó Cáo trạng số 4111/Ctr-VKSTC-V3 ngày 23/05/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố các bị cáo:

- Các bị cáo: Hồ Tấn M, Huỳnh Tấn V và các bị cáo khác về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Khoản 3 Điều 222 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Ngoài ra cáo trạng còn xác định: trách nhiệm hình sự của các bị cáo khác, trách nhiệm của các cơ quan đơn vị có nêu như bản án sơ thẩm.

- Tại Bản án hình sơ thẩm số: 336/2024/HS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 222; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hồ Tấn M 04 (bốn) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Khoản 3 Điều 222; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ Luật Hình Sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Buộc Công ty Cổ phần T11 và bị cáo Nguyễn Thị Thanh N phải liên đới bồi hoàn (theo phần bằng nhau) cho trung tâm C số tiền: 82.387.235.406 đồng.

+ Buộc bị cáo Hồ Tấn M phải nộp lại số tiền 521.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. (tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án cho bị cáo).

+ Buộc Công ty Cổ phần T13 phải nộp lại số tiền 187.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. (tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng

mà bị cáo Huỳnh Tấn V đã nộp để đảm bảo thi hành án cho Công ty Cổ phần T13).

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh N và Công ty Cổ phần T11 phải liên đới (theo phần bằng nhau) chịu 190.387.235 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thanh N, Trần Mạnh H4, Trần Đăng T1, Dương Hoa X, Trần Thị Bình M1, Phan Tất T2, Nguyễn Đăng Q, Nguyễn Viết T3, Nguyễn Trần L, Trần Vinh V2, Nguyễn M3, Đỗ Văn T4; phần trách nhiệm dân sự của những Pháp nhân, cá nhân khác; Về phần xử lý vật chứng; Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm Bản án hình sự sơ thẩm số 336/2024/HS-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã bị kháng cáo như sau:

a/. Bị cáo Huỳnh Tấn V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và xin xem xét lại số tiền bị buộc nộp lại.

b/. Bị cáo Hồ Tấn M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

c/. Công ty cổ phần T11 (A) kháng cáo đề nghị xem xét lại phần trách nhiệm dân sự mà Tòa sơ thẩm đã tuyên: Buộc Công ty Cổ phần T11 và bị cáo Nguyễn Thị Thanh N phải liên đới bồi hoàn (theo phần bằng nhau) cho trung tâm C số tiền: 82.387.235.406 đồng và án phí mà công ty phải chịu theo án sơ thẩm tuyên: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh N và Công ty Cổ phần T11 phải liên đới (theo phần bằng nhau) chịu 190.387.235 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Công ty đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tuyên không buộc công ty A phải chịu trách nhiệm bồi thường cũng như nộp tiền án phí nêu trên do công ty hiện đang quá khó khăn về tài chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Huỳnh Tấn V, Hồ Tấn M và Người liên quan Công ty cổ phần T11 (A) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu tranh luận như sau:

- Về tố tụng: Không vi phạm tố tụng, thời hạn kháng cáo và nội dung kháng cáo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung:

- Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Hồ Tấn M:

Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Hồ Tấn M đã phạm tội “Vi phạm quy định về đầu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại khoản 3 Điều 222 BLHS là có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm

đến trật tự quản lý kinh tế, làm ảnh hưởng xấu đến các hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan Nhà nước trong hoạt động đấu thầu, gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngân sách Nhà nước. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS do phạm tội nhiều lần do đó cần phải có mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình nhận thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hành vi tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, đã chủ động khai báo, tích cực phối hợp từ trước khi khởi tố, giúp cơ quan điều tra làm rõ sự thật vụ án; đã chủ động nộp lại số tiền thu lợi bất chính nên được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm bớt một phần hình phạt cho bị cáo, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm xử chỉ phạt bị cáo 04 năm tù đối với tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” là đã tương xứng và khoan hồng cho bị cáo, không thể giảm nhẹ được nữa. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo.

- Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và xin xem xét lại số tiền bị buộc nộp lại của bị cáo Huỳnh Tấn V:

Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Huỳnh Tấn V đã phạm tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại khoản 3 Điều 222 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, làm ảnh hưởng xấu đến các hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan Nhà nước trong hoạt động đấu thầu, gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngân sách Nhà nước. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự do phạm tội nhiều lần do đó cần phải có mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm nhận thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hành vi tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, đã chủ động khai báo, tích cực phối hợp từ trước khi khởi tố, giúp cơ quan điều tra làm rõ sự thật vụ án; đã chủ động nộp lại số tiền thu lợi bất chính; gia đình bị cáo có công với đất nước nên được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù đối với tội “Vi phạm quy định về đấu thầu” gây hậu quả nghiêm trọng là đã có phần chiếu cố nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo.

Ngoài ra, hồ sơ vụ án thể hiện để thực hiện các gói thầu công ty T13 đã ký hợp đồng và được trung tâm công nghệ sinh học trả tiền để thực hiện các nhiệm vụ để thực hiện đấu thầu không đúng quy định dẫn đến thiệt hại cho trung tâm C, do vậy đối với số tiền mà công ty đã được trung tâm C trả phải được xem là số tiền thu lợi bất chính, cần phải tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước. Theo đó cần buộc Công ty T14, Công ty K5 và Công ty T15, công ty T13 phải nộp lại số tiền Buộc Công ty cổ phần T13 phải nộp lại số tiền 187.000.000 đồng đã nhận để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là có căn cứ pháp luật. Do đó,

không có căn cứ để xem xét phần dân sự là khấu trừ số tiền đã nộp thuế VAT 10% và thuế thu nhập doanh nghiệp 20% của bị cáo.

- Đối với kháng cáo đề nghị xem xét lại phân trách nhiệm dân sự và án phí của Công ty Cổ phần T11 (A):

Trong vụ án này, quá trình điều tra đã xác định được hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thanh N và các đồng phạm đã gây thiệt hại cho nhà nước với tổng số tiền là 94.626.056.630 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Trung tâm C cũng đề nghị buộc công ty A và các cá nhân, tổ chức có liên quan phải bồi thường lại cho trung tâm công nghệ sinh học số tiền thiệt hại của vụ án được xác định là 94.626.056.630 đồng. Tuy nhiên, xét toàn bộ số tiền lợi nhuận thu được từ việc bán các trang thiết bị của các gói thầu sau khi trừ đi các chi phí thì phần lớn số tiền thu được về bản chất đều được chuyển cho công ty A và bị cáo Nguyễn Thị Thanh N, trong vụ án này bị cáo N cũng là người có vai trò cao nhất nên cấp sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh N cùng công ty A phải chịu trách nhiệm chính bồi hoàn lại cho Trung tâm công nghệ sinh học số tiền gây thiệt hại là có căn cứ pháp luật.

Từ những vấn đề nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Tấn M, bị cáo Huỳnh Tấn V; không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần T11 (A); Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

* Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày:

1. Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Tấn V trình bày: Bị cáo V có vai trò không đáng kể, không được hưởng lợi, nên cần xem xét phân hóa cụ thể trách nhiệm hình sự cho bị cáo để có một mức hình phạt khoan hồng hơn. Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, gia đình bị cáo có công cách mạng, bị cáo là lao động chính, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả của vụ án, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

2. Người bào chữa cho bị cáo Hồ Tấn M trình bày: Khi thực hiện hành vi thì mục đích ban đầu chỉ vì muốn tạo công ăn việc làm cho công ty, bị cáo ký chỉ với tư cách là đại diện theo pháp luật của công ty, việc thẩm định là chức năng của thẩm định viên, vai trò của bị cáo là hết sức mờ nhạt, bị cáo không bàn bạc với nhà thầu về việc nâng khống giá, tiền nhận được từ việc ký hợp đồng bị cáo cũng sử dụng cho công ty chứ bản thân bị cáo cũng không được hưởng lợi gì. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Hồ Tấn M đã tiến hành nộp một số tiền là 50.000.000 đồng. trong quá trình xét xử phúc thẩm, ngày 03/10/2024 bị cáo Hồ Tấn M tiếp tục nộp tiếp số tiền là 300.000.000 đồng (theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041416 ngày 03/10/2024). Bị cáo Hồ Tấn M chủ động nộp tiền để khắc phục hậu quả trong quá trình giải quyết vụ án là hoàn toàn tự nguyện, cho nên bị cáo hoàn toàn đủ điều kiện để xem xét được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là “*Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả*”. Hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn như cha già, vợ bị cáo bị mù, có 03 con nhỏ đang độ tuổi đi học, một mình bị cáo hiện phải cày cấy, gồng gánh cả gia

đình. Do vậy mong Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

3/ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần T11 (A) trình bày:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và tuyên buộc công ty A phải liên đới bồi thường số tiền 82,387 tỷ đồng nêu trên là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật, không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho công ty A. Bởi các lý do sau:

- Công ty A không phải là người gây thiệt hại nên không có trách nhiệm phải bồi thường theo quy định. Đây cũng là căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm và sơ thẩm khi xét xử vụ án “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” xảy ra tại Quảng Ninh (có tính chất tương tự vụ án này) đã không buộc AIC phải chịu trách nhiệm bồi thường (theo Bản án sơ thẩm số 120/2023/HS-ST ngày 26/10/2023 của TAND tỉnh Quảng Ninh và Bản án phúc thẩm số 154/2024/HSPT ngày 26/2/2024 của TAND cấp cao tại Hà Nội).

- Cấp sơ thẩm không tách bạch trách nhiệm pháp lý giữa các chủ thể là các pháp nhân có liên quan trong vụ án này mà quy kết trách nhiệm, buộc A phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với toàn bộ các gói thầu do doanh nghiệp khác trực tiếp ký kết và thực hiện hợp đồng là không có căn cứ pháp lý.

- Việc định giá tài sản trong vụ án này còn rất nhiều bất cập, việc định giá chưa đảm bảo quy định của pháp luật, việc xác định thiệt hại chưa khấu trừ các chi phí hợp lý khác, dẫn tới việc xác định thiệt hại không chính xác.

Do vậy, Công ty A đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo theo hướng sửa bản án sơ thẩm và tuyên không buộc công ty A phải liên đới bồi thường trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Các bị cáo Huỳnh Tấn V, Hồ Tấn M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã tuyên, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 2015 - 2019 khi Trung tâm công nghệ sinh học được giao là Chủ đầu tư thực hiện 10 gói thầu đầu tư mua sắm trang thiết bị 12 phòng thí nghiệm chuyên ngành công nghệ sinh học thuộc Trung tâm CNSH với tổng trị giá là 468.812.020.400 đồng, thì các bị cáo nguyên là lãnh đạo cán bộ trung tâm công nghệ sinh học, lãnh đạo sở K7 đã có hành vi nhận hối lộ, lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao, thỏa thuận với bị cáo Nguyễn Thị Thanh N

(là chủ công ty cổ phần T11 - A) và các bị cáo liên quan, các bị cáo thuộc công ty thẩm định về việc tạo điều kiện cho Công ty A và các công ty liên quan tham gia các gói thầu và trúng thầu 08 gói thầu theo giá mà phía công ty A đưa ra. Theo đó các bị cáo trong vụ án đã thực hiện các hành vi đưa nhận hối lộ, thông thầu, gian lận, không đảm bảo công bằng minh bạch trong hoạt động đấu thầu, tạo điều kiện để phía Công ty AIC của bị cáo N được tham gia và trúng thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thiệt hại tài sản cho nhà nước với tổng số tiền thiệt hại được xác định tại 8 gói thầu là 94.626.056.630 đồng. Theo đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định hành vi, vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo có kháng cáo cụ thể như sau:

- Đối với bị cáo Hồ Tấn M (là tổng Giám đốc Công ty T15) đã thông đồng với Chủ đầu tư, Nhà thầu phát hành Chứng thư thẩm định giá không đúng Tiêu chuẩn thẩm định giá, vi phạm các Điều 10, 30, 42 Luật Giá năm 2012 và Thông tư 28/2015/TT-BTC của Bộ T25 về tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, dẫn đến việc xác định giá gói thầu không đúng thực tế, tạo điều kiện cho Dương Hoa X, Nguyễn Thị Thanh N nâng khống dự toán các gói thầu giai đoạn 2, 3, bị cáo chịu trách nhiệm gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 33.054.289.289 đồng.

- Đối với bị cáo Huỳnh Tấn V (là Giám đốc Công ty Cổ phần T13) thực hiện theo đề nghị của Nguyễn Trần L, bị cáo đã không thực hiện thẩm tra dự toán mà chỉ ký Báo cáo kết quả thẩm tra để hợp thức kết quả thẩm định giá, tạo điều kiện cho Dương Hoa X, Nguyễn Thị Thanh N nâng khống dự toán các gói thầu giai đoạn 2, 3 bị cáo chịu trách nhiệm gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 33.054.289.289 đồng.

Với hành vi nêu trên Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo Hồ Tấn M, Huỳnh Tấn V, phạm tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Khoản 3 Điều 222 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Hồ Tấn M và Huỳnh Tấn V:

Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, làm ảnh hưởng xấu đến các hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan Nhà nước trong hoạt động đấu thầu, gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngân sách Nhà nước. Các bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự do phạm tội nhiều lần do đó cần phải có mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hành vi tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, đã chủ động khai báo, tích cực phối hợp từ trước khi khởi tố, giúp cơ quan điều tra làm rõ sự thật vụ án; đã chủ động nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính nên được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm bớt một phần hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là lớn (hành vi của bị cáo Hồ Tấn M gây thiệt hại cho nhà nước 33.054.289.289 đồng. Tương tự bị cáo Huỳnh Tấn V gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 33.054.289.289 đồng). Do vậy, với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và nhận định để đưa ra phán quyết tuyên xử các bị cáo Tấn M 04 năm tù và bị cáo Tấn V 03 năm 06 tháng tù là có phần giảm nhẹ so với tính chất mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo với lý do cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử là nặng.

- Đối với việc bị cáo Hồ Tấn M nộp 300.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm tuyên “Buộc bị cáo Hồ Tấn M phải nộp 521.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước”, đây là việc buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính, không phải là tiền khắc phục hậu quả. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Việc bị cáo nộp 300.000.000 đồng tại giai đoạn xét xử phúc thẩm thể hiện ý thức chấp hành bản án sơ thẩm đối với phần quyết định không bị kháng cáo kháng nghị của bị cáo, nên được xem xét là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, theo nội dung nhận định nêu trên thì mức hình phạt 04 năm tù mà Tòa sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là đã có phần giảm nhẹ. Do đó, tình tiết phát sinh mới nêu trên có ý nghĩa củng cố thêm về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với mức án 04 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo M.

[4] Đối với phần kháng cáo về việc bồi thường trách nhiệm dân sự của pháp nhân A, Hội đồng xét xử xét thấy các nội dung đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ pháp luật, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty A về việc sửa bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, khoản tiền Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty A liên đới bồi thường cho phía bị hại là khoản thiệt hại mà phía bị hại phải gánh chịu do hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo gây ra (thông qua giao dịch vi phạm pháp luật giữa pháp nhân A và pháp nhân bị hại). Về nguyên tắc trong giao dịch này thì pháp nhân phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi giao dịch gây thiệt hại cho bên bị thiệt hại. Nhưng trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên pháp nhân phải liên đới bồi thường thiệt hại và pháp nhân chỉ phải chịu trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ số thiệt hại là đã có lợi cho phía Công ty A. Đây cũng là một trong các lý do mà Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận các nội dung tranh luận của người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của phía pháp nhân A.

Đối với ý kiến cho rằng số tiền thiệt hại là chưa xem xét khấu trừ các chi phí liên quan của công ty A, Hội đồng xét xử xét thấy, các chi phí này (nếu có)

là công cụ, phương tiện, để bị cáo N thực hiện các hành vi phạm tội nên không thể xem xét khấu trừ như đề nghị của công ty A.

[5] Với các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Tấn V, Hồ Tấn M và Công ty cổ phần T11 (Công ty A), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Tấn V, Hồ Tấn M và Công ty cổ phần T11 (Công ty A) là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Huỳnh Tấn V, Hồ Tấn M phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 345; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Tấn V, Hồ Tấn M và Công ty cổ phần T11 (Công ty A).

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 336/2024/HS-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

I. Tuyên bố các bị cáo Hồ Tấn M, Huỳnh Tấn V phạm tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”;

1. Áp dụng Khoản 3 Điều 222; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hồ Tấn M 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng Khoản 3 Điều 222; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

II. Về phân trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ Luật Hình Sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Buộc Công ty cổ phần T11 và bị cáo Nguyễn Thị Thanh N phải liên đới bồi hoàn (theo phần bằng nhau) cho trung tâm C số tiền: 82.387.235.406 đồng.

+ Buộc bị cáo Hồ Tấn M phải nộp lại số tiền 521.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước (tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án cho bị cáo). Số tiền 300.000.000 đồng bị cáo Hồ Tấn M đã nộp trong giai đoạn xét xử phúc thẩm theo biên lai thu số 0041416 ngày 03/10/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được đối trừ tại giai đoạn thi hành Bản án.

+ Buộc Công ty Cổ phần T13 phải nộp lại số tiền 187.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. (tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo Huỳnh Tấn V đã nộp để đảm bảo thi hành án cho Công ty Cổ phần T13).

III. Về phần án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Huỳnh Tấn V, Hồ Tấn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

IV. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 336/2024/HS-ST ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Công an TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- BCTN;
- BH;
- NLQ;
- Lưu: HS, VP, 27b NThuy.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên